

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 8 - 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và bà Trần Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn V, xã T, thành phố P, tỉnh H (có mặt).

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Thu A, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn M, phường L, thành phố P, tỉnh H. Chị A hiện đang lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị V (là mẹ đẻ của chị Đỗ Thị Thu A); địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của anh Nguyễn Đắc Hải trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P, tỉnh H ngày 13/11/2007. Sau khi kết hôn anh H, chị A ở cùng bố mẹ anh H được vài tháng thì chuyển về nhà mẹ đẻ chị A ở phường T, thành phố P sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không hợp nhau, thường xuyên

xảy ra cãi nhau. Chị A và gia đình chị A có thái độ coi thường anh H. Khoảng tháng 10/2015 vì không chịu được sự xúc phạm của vợ và gia đình vợ nên anh H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Đến đầu năm 2016 chị A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Chị A và gia đình cấm không cho anh H gặp và chăm sóc các con. Anh H, chị A sống ly thân đến nay đã ba năm, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh H và chị A có 02 con chung là cháu Nguyễn Đắc L, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Nguyễn Thị Thúy B, sinh ngày 09/3/2011. Hiện nay cháu L và cháu B đang ở cùng với bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ của chị A) tại tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh H. Nếu ly hôn anh H đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L; chị A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh H tôn trọng quyết định của các con trong việc lựa chọn ở với bố hay với mẹ.

Về tài sản chung và công nợ chung và các vấn đề khác: Anh H xác định anh H và chị A không có tài chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của cháu Nguyễn Đắc L và cháu Nguyễn Thị Thúy B trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn được ở với mẹ.

* Ý kiến của bà Hoàng Thị V (là mẹ đẻ của chị A) trình bày: Anh H, chị A kết hôn năm 2007 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau khi kết hôn anh H, chị A sống hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Nguyễn Đắc L, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Nguyễn Thị Thúy B, sinh ngày 09/3/2011. Lúc đầu anh H, chị A sống ở nhà chồng, đến khi sinh cháu B thì chuyển về sống ở nhà bà V. Năm 2016 chị A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bà V ở nhà nuôi cháu L và cháu B, hàng tháng chị A gửi tiền về cho bà để nuôi các cháu ăn học. Lý do anh H muốn ly hôn chị A vì anh H ngoại tình và có con riêng với người phụ nữ khác. Chị A có biết việc anh H làm đơn xin ly hôn chị A, nhưng vì anh H viết nội dung trong đơn không đúng sự thật về mâu thuẫn vợ chồng nên chị A không đồng ý ký vào đơn. Việc ly hôn là do anh H, chị A quyết định, bà không liên quan nên không tham gia tố tụng trong vụ án. Chị A đi lao động ở đài Loan thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng bà không biết địa chỉ nên không cung cấp cho Tòa án.

Về con chung: Từ khi chị A đi lao động tại Đài Loan, bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, cháu B thay cho mẹ các cháu. Nếu ly hôn bà V đề nghị không chia cách hai cháu mà giao cho bố hoặc mẹ nuôi cả hai cháu, người không trực tiếp nuôi con sẽ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H và chị A không có.

* Tại phiên tòa: Anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn chị A. Về con chung: Anh H xin được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đắc H và chị Đỗ Thị Thu A; về con chung: Giao cho anh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đắc L và cháu Nguyễn Thị Thúy B cho đến khi cháu L, cháu B đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Chị Đỗ Thị Thu A đang sống ở Đà Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết đơn ly hôn của anh H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị A thông qua mẹ đẻ chị A là bà Hoàng Thị V, yêu cầu bà V thông báo cho chị A biết nội dung các văn bản tố tụng và gửi lời khai về Tòa án. Bà V đã thông báo cho chị A biết về yêu cầu của Tòa án nhưng bà V từ chối không nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án. Mặc dù biết việc anh H đề nghị xin ly hôn nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị A không gửi cho Tòa án bản tự khai, vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp. Tại phiên tòa chị A đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử xác định chị A cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án.

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Bà Hoàng Thị V có ý kiến bà không liên quan đến giải quyết việc ly hôn của anh H, chị A nên bà không đến tham gia phiên tòa và không nhận các văn bản của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND phường L, thành phố P, tỉnh H, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị A, bà V theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị A, bà V theo thủ tục chung.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của anh H thấy rằng: Anh Nguyễn Đắc H và chị Đỗ Thị Thu A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố P, tỉnh H. Hôn nhân của anh H và chị A là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo anh H khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị A thiếu tôn trọng anh H. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị A, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H với chị A không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử lý hôn cho anh H và chị A là phù hợp với quy định tại Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Đắc H và chị Đỗ Thị Thu A có 02 con chung là cháu Nguyễn Đắc L, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Nguyễn Thị Thúy B, sinh ngày 09/3/2011. Nếu ly hôn, anh H xin nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu L và cháu B, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Mặc dù, cháu L, cháu B đều có nguyện vọng xin được ở với chị A. Tuy nhiên, hiện nay chị A đang đi lao động ở Đài Loan không xác định được chị A đang làm việc và sinh sống ở đâu nên không có cơ sở để giao con cho chị. Mặt khác thông qua bà Hoàng Thị V (là mẹ đẻ của chị A), chị A biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị A nhưng chị A không gửi văn bản ý kiến, không đưa ra quan điểm, ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, cháu B, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh H nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh H xác định anh H và chị A không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì chị A đang ở Đài Loan, không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi chị A trở về Việt Nam mà phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình. Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt

Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Đắc H và chị Đỗ Thị Thu A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đắc L, sinh ngày 12/10/2008 và cháu Nguyễn Thị Thúy B, sinh ngày 09/3/2011 cho anh Nguyễn Đắc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu L, cháu B đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đắc H phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003982 ngày 23/4/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, bà V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, TP.P, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương

